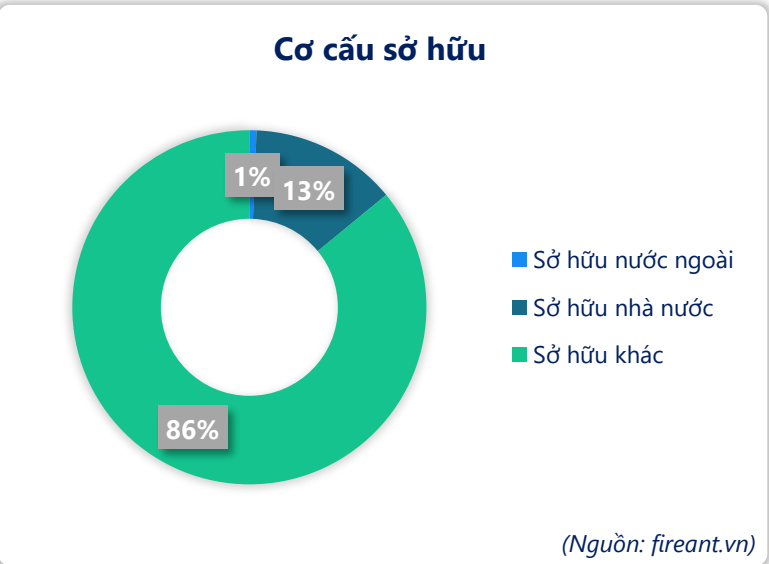
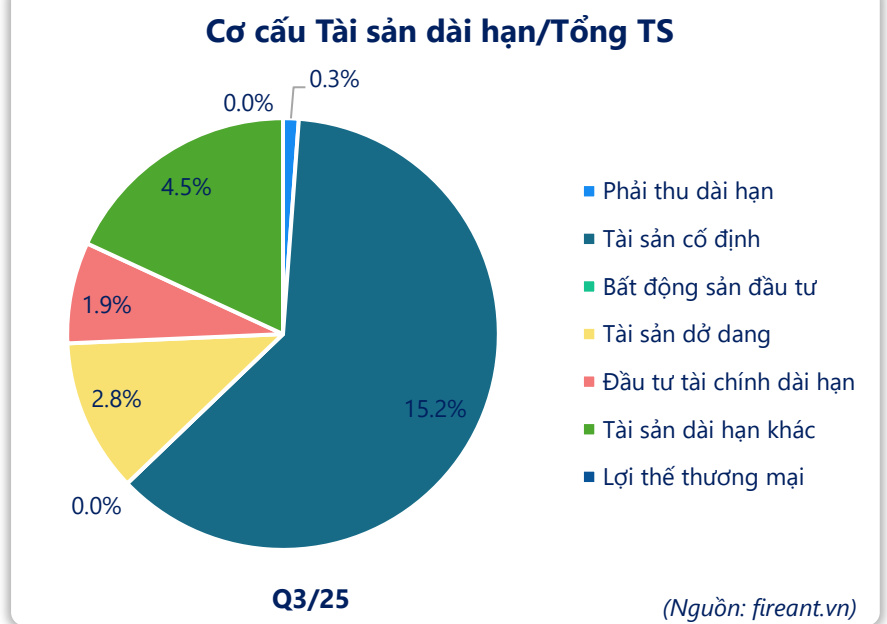
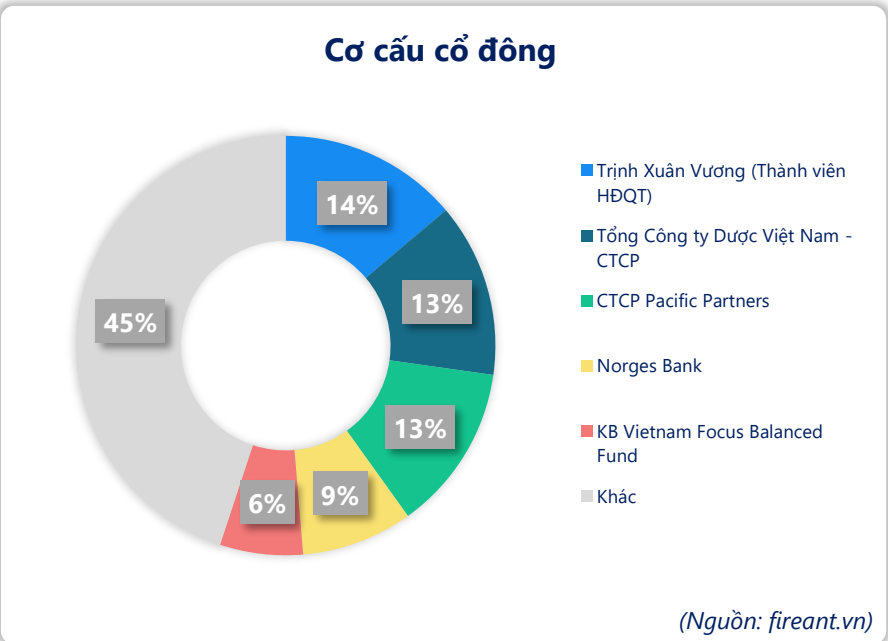
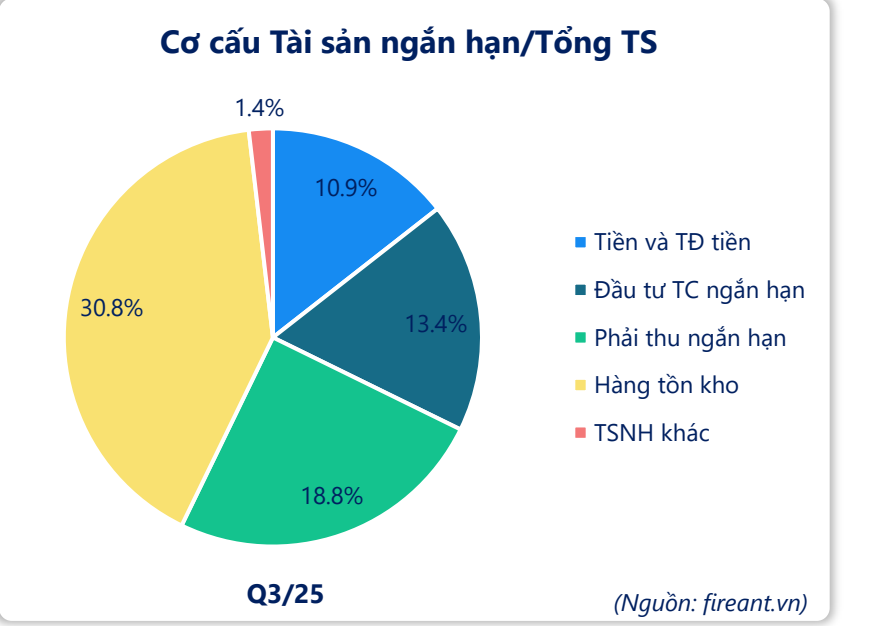
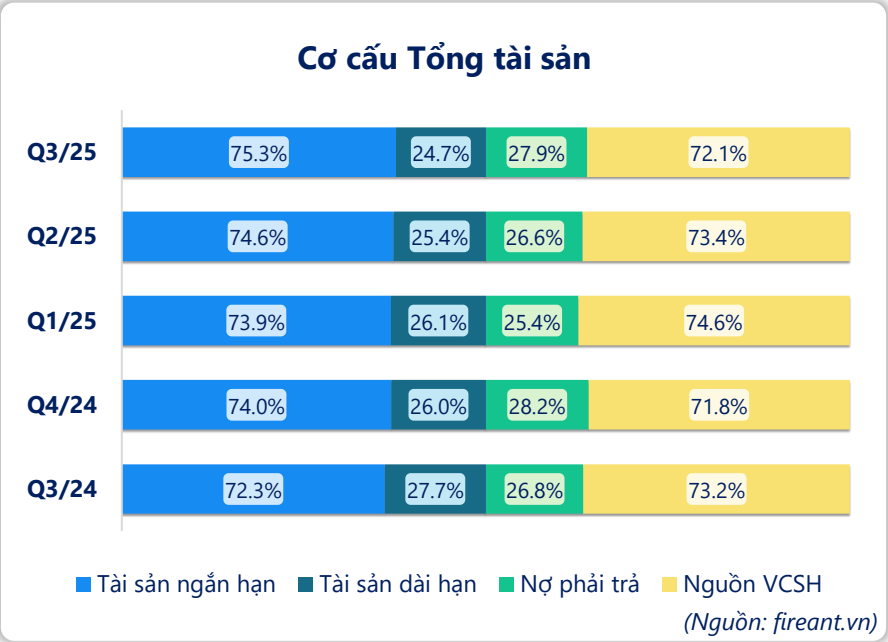


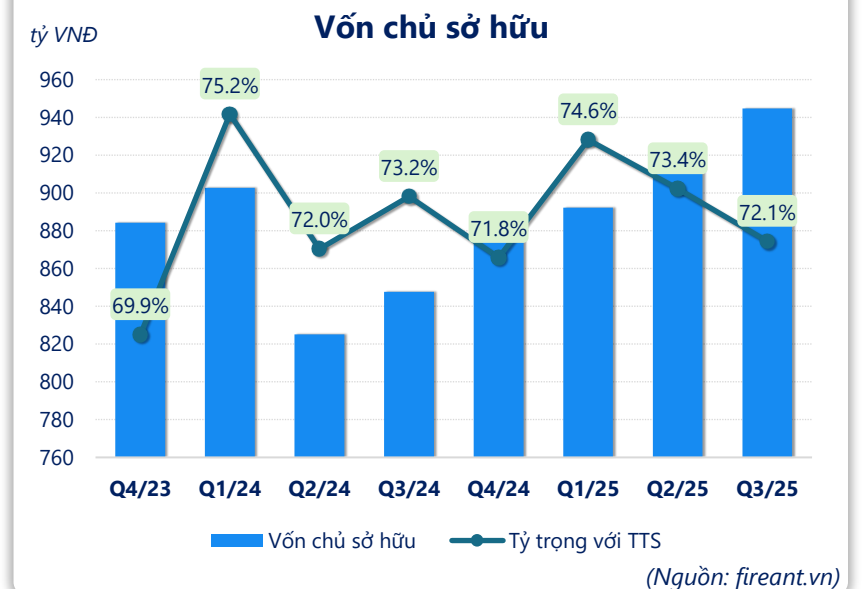
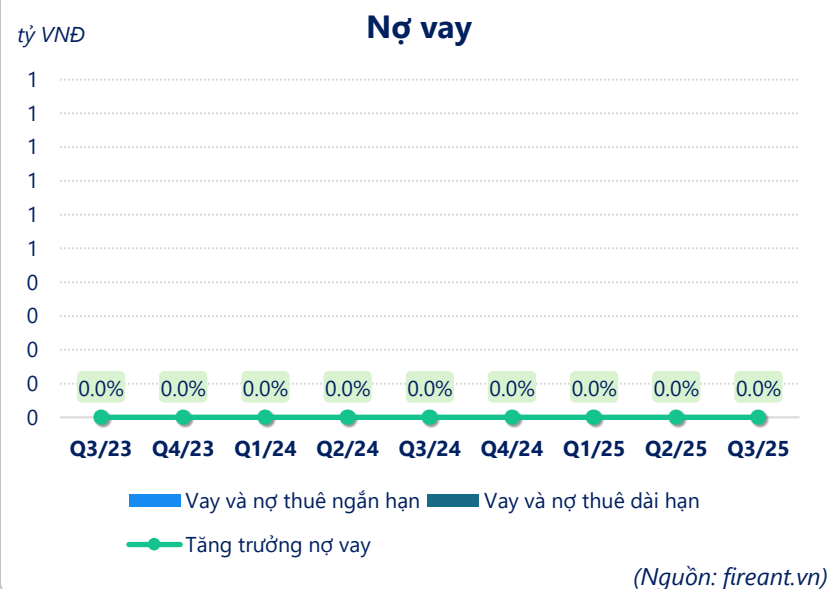
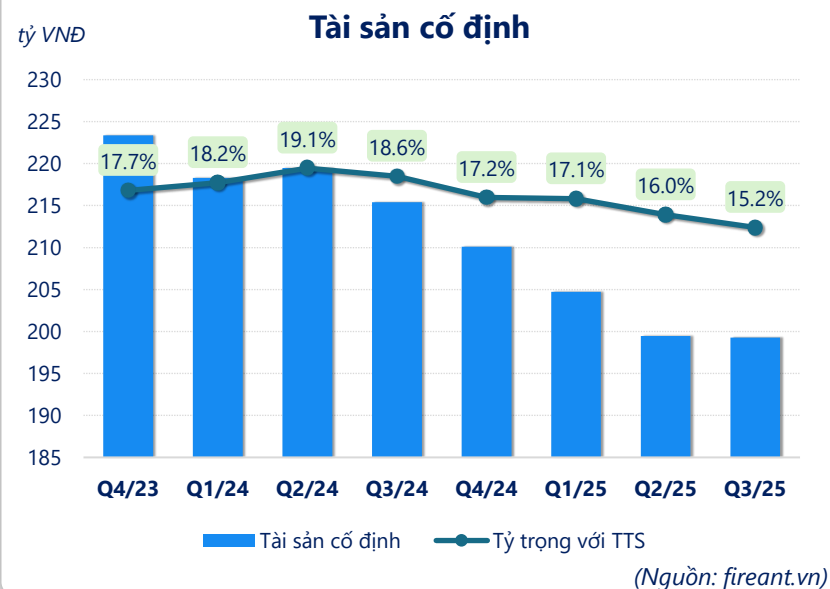
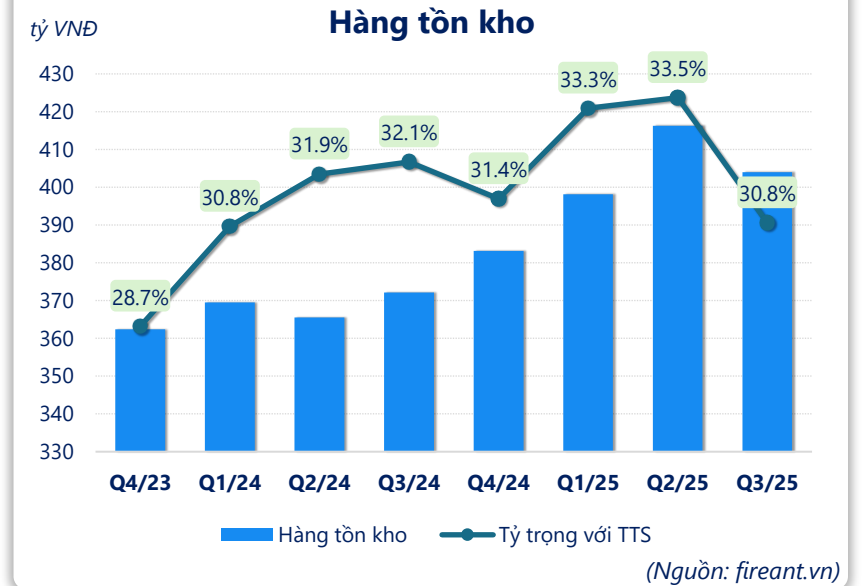
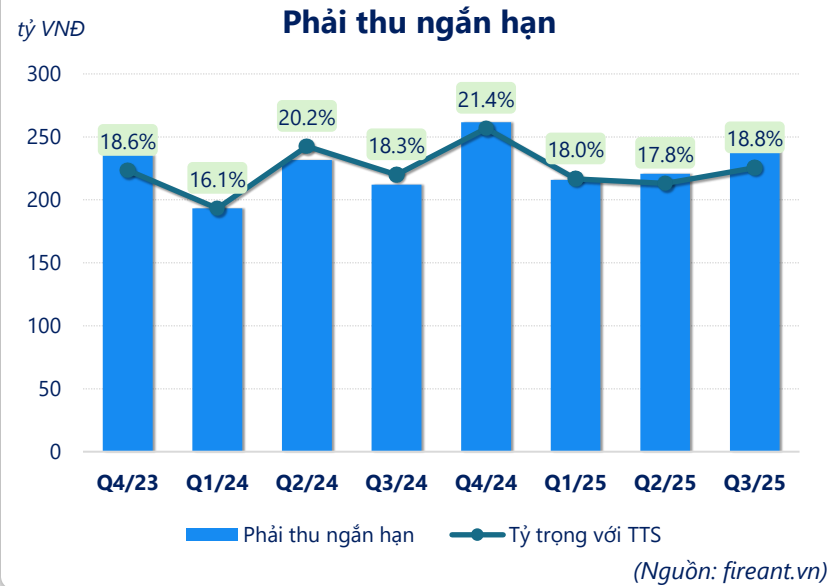
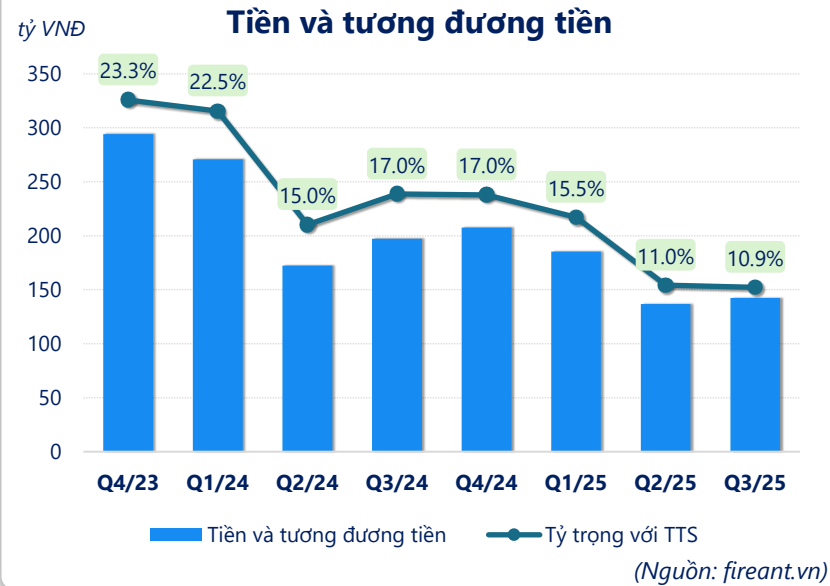
Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		22,750
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		25,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		21,800
SL cổ phiếu LH		64,050,892
KLGD BQ 20 phiên (CP)		498,481
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,457
P/E		13.4
EPS		1,698

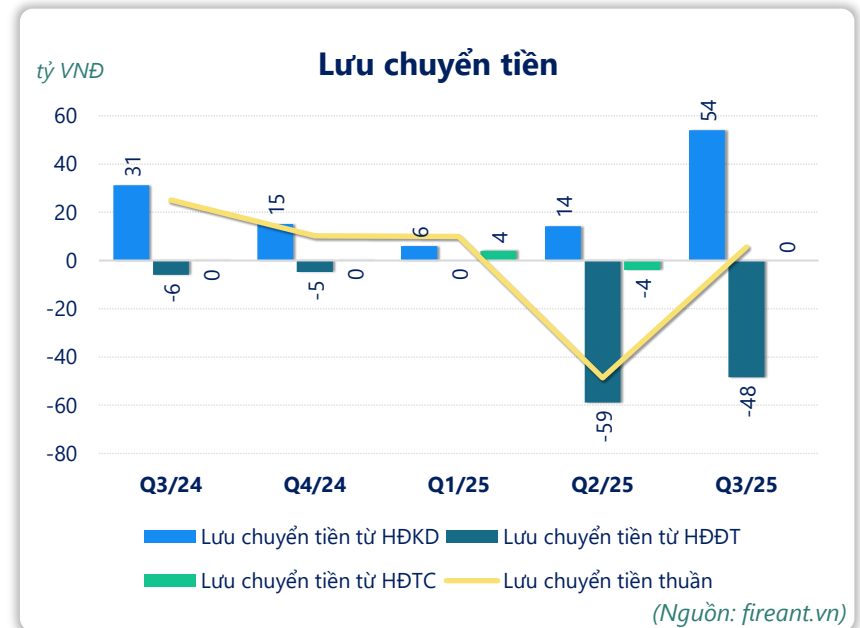
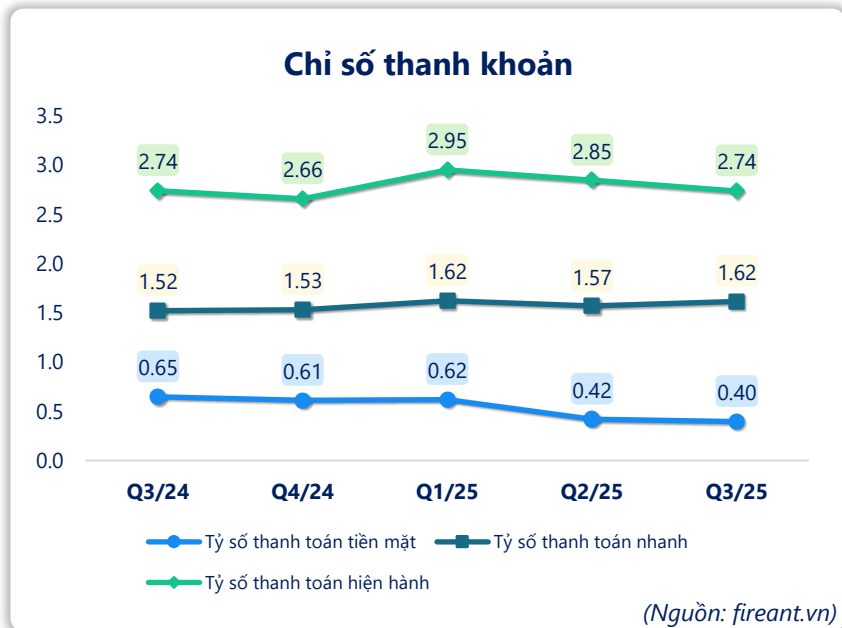
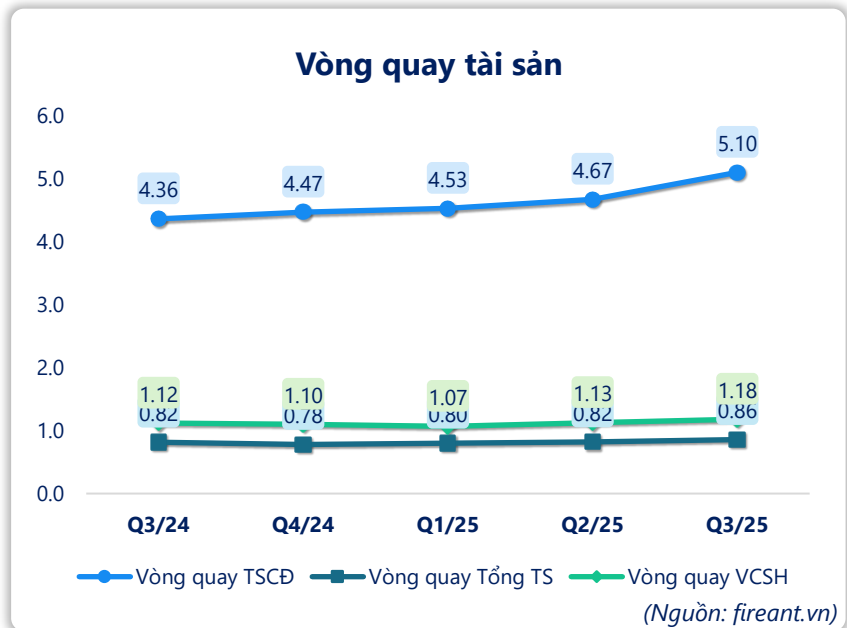
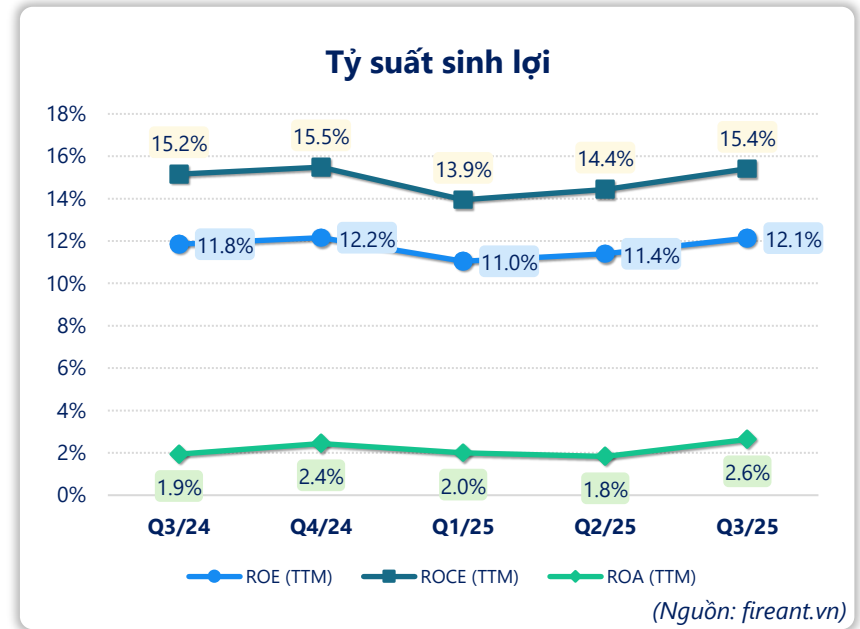
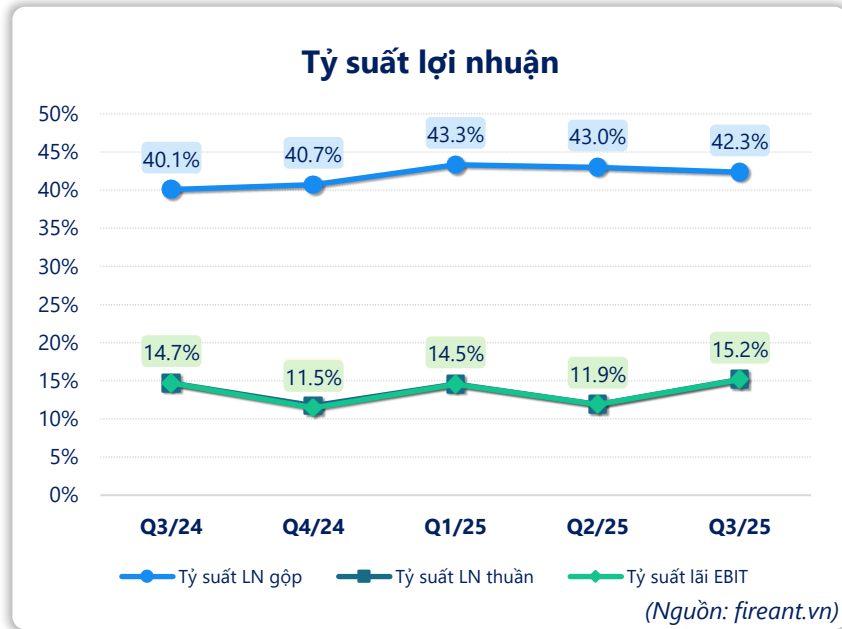
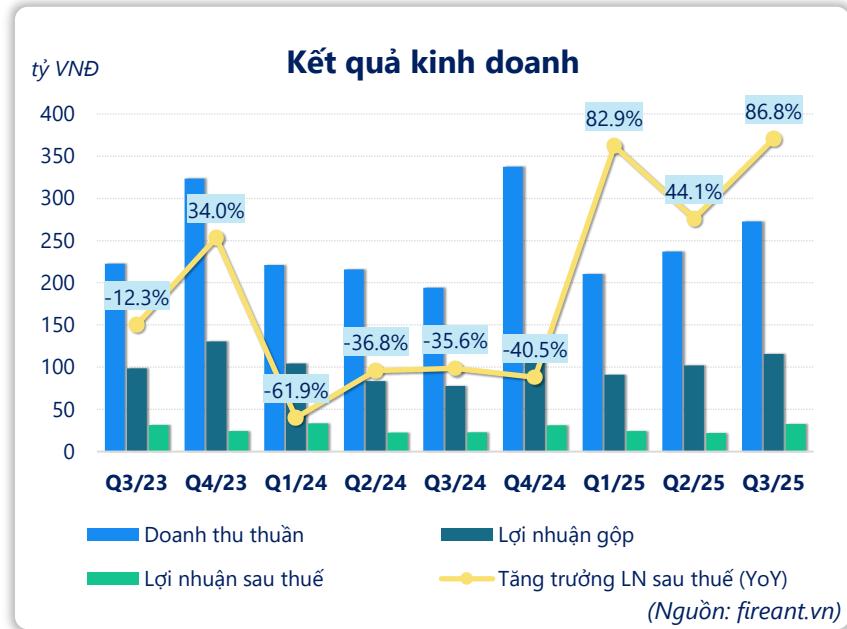
	YTD	1T	3T	6T
OPC	-9.0%	-0.7%	-3.4%	-3.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%



CTCP Dược phẩm OPC (HSX: OPC)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,310	1,222	7.2%
Tài sản ngắn hạn	986	904	9.1%
Tiền và tương đương tiền	142	176	-18.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	176	71.1	147%
Phải thu ngắn hạn	246	261	-5.8%
Hàng tồn kho	404	383	5.4%
Tài sản ngắn hạn khác	18.3	12.9	42.2%
Tài sản dài hạn	323	318	1.7%
Phải thu dài hạn	3.80	3.79	0.3%
Tài sản cố định	199	210	-5.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	37.1	24.3	52.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	24.5	25.0	-2.0%
Tài sản dài hạn khác	58.5	54.6	7.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	365	345	5.8%
Nợ ngắn hạn	360	340	6.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	56.1	64.0	-12.4%
Nợ dài hạn	4.43	4.78	-7.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	945	877	7.8%
Vốn chủ sở hữu	945	877	7.8%
Vốn điều lệ	641	641	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	194	338	210	237	273
Giá vốn hàng bán	116	200	119	135	157
Lợi nhuận gộp	77.8	137	91.2	102	115
Doanh thu HĐTC	1.34	2.97	2.36	4.83	2.94
Chi phí TC	1.01	1.76	1.48	1.31	1.48
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0.29	0.49	0.45	0.07	0.56
Chi phí bán hàng	31.8	73.6	37.4	51.1	52.2
Chi phí QLDN	18.1	25.9	24.4	26.2	23.8
LN thuần từ HĐKD	28.6	39.6	30.7	28.2	41.4
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.93	-0.11	0.04	-0.08
LN trước thuế	28.5	38.7	30.6	28.2	41.3
Lợi nhuận sau thuế	22.6	31.1	24.1	21.9	32.6
LNST của CĐ cty mẹ	22.7	30.4	24.0	21.9	32.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	31.2	15.1	5.97	14.2	54.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.97	-4.83	-0.06	-58.9	-48.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.17	-0.04	4.00	-4.00	0
Tiền đầu kỳ	172	197	176	186	137
Lưu chuyển tiền thuần	25.1	10.2	9.91	-48.7	5.54
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.02	0.03	0.01	0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	197	208	186	137	142

(Nguồn: fireant.vn)